

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 12/2025/DSST

Ngày 28/5/2025

V/v Tranh chấp  
chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị G

2. Ông Nguyễn Văn T

- **Thư ký phiên tòa:** Hà Thị Phương C - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Phạm T – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 7 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 09/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2024/TB-TA ngày 02 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Đặng Xuân T, sinh năm 1942; có mặt.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn:** Anh Đặng Nghĩa H, sinh năm 1962; vắng mặt lần 2 không có lý do.

Địa chỉ: Khu B, xã T cũ (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Đặng Từ H1, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Khu D, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Khu B, xã T cũ (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Ông H1, bà T1, bà Q đều ủy quyền cho ông Đặng Xuân T, sinh năm 1942 và bà Hoàng Thị Đ – sinh năm 1949; Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Đặng Xuân H2, sinh năm 1972; vắng mặt lần 2 không có lí do.

Nơi ĐKKHKT: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Công ty cổ phần C2 – xã T, huyện S, thành phố Hà Nội.

+ Chị Đặng Thị H3, sinh năm 1956; vắng mặt lần 2 không có lí do.

Địa chỉ: Khu B, xã T cũ (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Đặng Thị B, sinh năm 1960; vắng mặt lần 2 không có lí do.

Địa chỉ: Khu Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Đặng Thị H4, sinh năm 1968; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đặng Xuân T trình bày:*

Bố ông là cụ Đặng Văn Đ1 và mẹ ông là cụ Nguyễn Thị C có 05 người con là: 1. Ông Đặng Văn N (chết năm 2017); 2. Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1938; 3. Tôi – Đặng Xuân T, sinh năm 1942; 4. Ông Đặng Từ H1, sinh năm 1945; 5. Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1950. Ngoài ra, cụ Đ1 và cụ C không có người con đẻ, con nuôi nào khác. Cụ Đặng Văn Đ1 (chết năm 1952) và cụ Nguyễn Thị C (chết năm 2007). Khi còn sống cụ Đ1 và cụ C có quyền sử dụng tài sản là diện tích 751 m<sup>2</sup> đất, gồm: thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02 diện tích 456m<sup>2</sup> đất (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 156m<sup>2</sup> đất vườn, khi đo thực tế 425,9m<sup>2</sup>), thửa đất số 274B tờ bản đồ số 02 diện tích 35m<sup>2</sup> đất lúa, thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 05 diện tích 260m<sup>2</sup> đất lúa), các thửa đất trên đều ở địa chỉ: Xã P, huyện S (nay là xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện S, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/1999 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị C.

Về nguồn gốc các thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02, thửa đất số 274B tờ bản đồ số 02, thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 05 theo tôi biết là do tổ tiên để lại cho cụ Đ1, cụ C sử dụng.

Sau khi cụ Đ1 chết (năm 1952), cụ C tiếp tục sử dụng ổn định các thửa đất trên. Đến ngày 30/12/1999, các thửa đất trên đã được UBND huyện S, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ C tiếp tục sử dụng cho đến khi cụ C chết (năm 2007), không có tranh chấp với ai. Cụ Đ1, cụ C chết không để lại di chúc.

Sau khi cụ C chết, ông Đặng Văn N và vợ ông Nghĩa L bà Nguyễn Thị N1 trực tiếp quản lý, sử dụng các thửa đất trên. Sau khi bà N1 chết (năm 2015) thì ông N trực tiếp quản lý, sử dụng. Sau khi ông N chết (năm 2017), anh Đặng Xuân H2 ở trên thửa đất một thời gian sau đó chuyển đi nơi khác sinh sống, làm việc. Ông N, bà N1 chết không để lại di chúc. Đến thời điểm hiện nay, ông được biết anh Đặng Nghĩa H hàng tháng vẫn về để thắp hương tại ngôi nhà gỗ trên thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02, còn anh Đặng Xuân H2 thì thỉnh thoảng về để quản lý, sử dụng thửa đất trên.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất thổ cư và đất vườn do cụ C để lại là thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02 có diện tích đo thực tế là 425,9m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ làm 5 phần cho những người được hưởng thừa kế. Đối với tài sản trên đất là ngôi nhà gỗ diện tích 77,1m<sup>2</sup> và tường rào, cây cối trên đất thì không phải di sản thừa kế, ông không đề nghị chia mà đề nghị giao cho anh H2 sở hữu, sử dụng. Ngoài ra ông cũng đề nghị tính thêm phần công sức bảo quản di sản thừa kế cho anh H2 được hưởng 1/2 phần giá trị của một suất thừa kế.

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 274B tờ bản đồ số 02 diện tích 35m<sup>2</sup> đất lúa; địa chỉ thửa đất: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 02 diện tích 260m<sup>2</sup> đất lúa; địa chỉ thửa đất: Khu Đ, xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu ông nhận được phần thừa kế đối với diện tích đất lúa này, ông sẽ cho phần của ông được nhận cho bà Đặng Thị Q. Ông không yêu cầu bà Q phải thanh toán tiền cho ông đối với phần tài sản ông cho bà Q sử dụng.

Ngoài ra tôi không có trình bày gì khác.

**\* Bị đơn là anh Đặng Nghĩa H vắng mặt nhưng có quan điểm trình bày:**

Anh thừa nhận về quan hệ gia đình của cụ Đặng Văn Đ1 và cụ Nguyễn Thị C như ông Đặng Xuân T Trình bày là đúng.

Anh là con đẻ của ông Đặng Văn N (đã chết năm 2017) và bà Nguyễn Thị N1 (đã chết năm 2015). Ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị N1 có 07 người con là: Bà Đặng Thị H3, Bà Đặng Thị B, anh – Đặng Nghĩa H; Ông Đặng Phúc H5 (chết năm 1992). Ông H5 có 01 người con đẻ là Đặng Văn T2, sinh năm 1987, địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ). Ông H5 không có người con đẻ, con nuôi nào khác; Ông Đặng Văn H6 (chết năm 2016). Ông H6 có 01 người con đẻ là anh Đặng Xuân L1 (tôi không nhớ năm sinh, địa chỉ cụ thể của anh L1, tôi sẽ cung cấp cho Tòa án sau). Ông H6 không có người con đẻ, con nuôi nào khác; Bà Đặng Thị H4; Ông Đặng Văn H7; Ngoài ra, ông N, bà N1 không có người con đẻ, con nuôi nào khác.

Ông Đặng Xuân T là chú ruột của anh (ông T là em trai ông N).

Về nguồn gốc các thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02, thửa đất số 274B tờ bản đồ số 02, thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 05 theo tôi biết là do tổ tiên để lại cho cụ Đ1, cụ C sử dụng.

Sau khi cụ Đ1 chết (năm 1952), cụ C tiếp tục sử dụng ổn định các thửa đất trên. Đến ngày 30/12/1999, các thửa đất trên đã được UBND huyện S, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ C tiếp tục sử dụng cho đến khi cụ C chết (năm 2007), không có tranh chấp với ai. Cụ Đ1, cụ C chết không để lại di chúc.

Sau khi cụ C chết, ông Đặng Văn N và vợ ông Nghĩa L bà Nguyễn Thị N1 trực tiếp quản lý, sử dụng các thửa đất trên. Sau khi bà N1 chết (năm 2015) thì ông N trực tiếp quản lý, sử dụng. Ông N, bà N1 chết không để lại di chúc nhưng có giấy tờ bàn giao lại đất để làm nơi thờ cúng. Sau khi ông N chết (năm 2017), anh Đặng Xuân H2 trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến thời điểm hiện nay. Do anh Đặng Xuân H2 đi làm ăn xa, nên thỉnh thoảng vợ chồng anh có xuống để quét dọn nhà cửa, thắp hương thờ cúng.

Trên thửa 130 tờ bản đồ số 02 có tài sản là: 01 ngôi nhà gỗ 05 gian và tường bao quanh nhà do bố anh là ông Đặng Văn N xây dựng vào năm 2013.

Nay ông Đặng Xuân T khởi kiện anh về việc chia di sản thừa kế, anh có quan điểm như sau:

- Anh đề nghị để anh Đặng Xuân H2 trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02 để làm đất hương hỏa, thờ cúng tổ tiên. Nếu phải chia thừa kế các tài sản do cụ C để lại, anh đề nghị giữ nguyên hiện trạng tài sản trên đất là ngôi nhà gỗ 05 gian để giao lại cho anh Đặng Xuân H2 thờ cúng.

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 274B tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: Xã P, huyện S (nay là Khu Đ, xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: Xã P, huyện S (nay là Khu Đ, xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh không có trình bày gì khác.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Từ H1 và người được ủy quyền ông Đặng Xuân T trình bày:**

Về nguồn gốc các thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02, thửa đất số 274B tờ bản đồ số 02, thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 05 cũng đúng như ông T, ông H trình bày.

Trên thửa đất 130 tờ bản đồ số 02 có tài sản là: 01 ngôi nhà gỗ do ông H1 xây dựng vào năm 1983 để cho cụ C ở. Còn hiện tại, ngôi nhà này có sự cải tạo, thay đổi hay không thì ông H1 không biết.

Nay ông Đặng Xuân T khởi kiện anh Đặng Nghĩa H về việc chia di sản thừa kế, ông H1 có quan điểm như sau: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân T. Nếu ông H1 nhận được phần thừa kế đối với tài sản do cụ C để lại, ông H1 sẽ cho phần của ông H1 được nhận cho ông Đặng Xuân T. Ông

không yêu cầu ông T phải thanh toán tiền cho ông đối với phần tài sản ông cho ông T sử dụng.

Ngoài ra ông H1 không có trình bày gì khác.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị H4 vắng mặt nhưng có quan điểm trình bày:**

Chị thừa nhận trình bày của ông T, anh H về mối quan hệ gia đình là đúng.

Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 có nguồn gốc như thế nào thì chị không biết. Chị chỉ biết khi chị sinh ra và lớn lên thì thửa đất này do cụ Nguyễn Thị C và bố mẹ chị (ông N, bà N1) trực tiếp sử dụng và ở trên đất. Năm 1988 chị lấy chồng và ở nhà chồng tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Năm 2007, cụ C chết và không để lại di chúc. Từ thời điểm 1988 đến năm 2015, chị được biết bố mẹ chị vẫn tiếp tục sử dụng thửa đất trên của cụ C, không có tranh chấp gì với ai. Sau khi bố chị chết (năm 2017), thửa đất trên do em trai chị là anh Đặng Văn H7 trực tiếp sử dụng ổn định cho đến thời điểm hiện tại. Ông Đặng Nghĩa H không ở trên đất mà chỉ thỉnh thoảng đến dọn dẹp nhà cửa, thờ cúng.

Trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 có 01 ngôi nhà gỗ hiện nay do anh Đặng Văn H7 ở và sử dụng để thờ cúng ông bà tổ tiên.

Quan điểm của chị là bố chị (ông N) đã dựng ngôi nhà trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên. Chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T. Nếu phải chia di sản thừa kế, phần thừa kế chị nhận được chị sẽ tặng cho anh H7 và không đề nghị ông H7 phải thanh toán tiền cho chị về phần tài sản tôi tặng cho ông H7.

Ngoài ra, chị không có trình bày hay đề nghị gì khác. Do chị ở xa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Q và người được ủy quyền ông Đặng Xuân T trình bày:**

Bà thừa nhận trình bày của ông T, anh H về mối quan hệ gia đình là đúng.

Nay ông Đặng Xuân T khởi kiện anh Đặng Nghĩa H về việc chia di sản thừa kế, bà có quan điểm như sau:

- Đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02, nếu bà nhận được phần thừa kế, bà sẽ cho phần của bà được nhận cho ông Đặng Xuân T. Bà không yêu cầu ông T phải thanh toán tiền cho bà đối với phần tài sản bà cho ông T sử dụng.

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 274B tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: Xã P, huyện S (nay là Khu Đ, xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 02 diện tích 260m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: Xã P, huyện S (nay là Khu Đ, xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ hiện nay bà đang trực tiếp sử dụng, bà đề nghị Tòa án giao cho bà tiếp tục sử dụng diện tích đất lúa này và bà không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ai.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T1 và người được ủy quyền ông Đặng Xuân T trình bày:** Bà thừa nhận trình bày của ông T, anh H về mối quan hệ gia đình là đúng.

Nay ông Đặng Xuân T khởi kiện anh Đặng Nghĩa H về việc chia di sản thừa kế, bà có quan điểm như sau:

- Đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02, nếu bà nhận được phần thừa kế, bà sẽ cho phần của bà được nhận cho ông Đặng Xuân T. Bà không yêu cầu ông T phải thanh toán tiền cho bà đối với phần tài sản bà cho ông T sử dụng.

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 274B tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: Xã P, huyện S (nay là Khu Đ, xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: Xã P, huyện S (nay là Khu Đ, xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ hiện nay do bà Đặng Thị Q đang trực tiếp sử dụng, bà đề nghị Tòa án giao cho bà Q tiếp tục sử dụng diện tích đất lúa này và bà Q không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà.

Ngoài ra, bà không có trình bày hay đề nghị gì khác.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị B vắng mặt nhưng có quan điểm trình bày:**

Chị thừa nhận trình bày của ông T, anh H về mối quan hệ gia đình là đúng.

Nay ông Đặng Xuân T khởi kiện anh Đặng Nghĩa H về việc chia di sản thừa kế, chị có quan điểm như sau: Chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T. Nếu phải chia di sản thừa kế, phần thừa kế chị nhận được chị sẽ tặng cho anh H7 và không đề nghị anh H7 phải thanh toán tiền cho chị về phần tài sản chị tặng cho anh H7.

Ngoài ra, chị không có trình bày hay đề nghị gì khác.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị H3 vắng mặt nhưng có quan điểm trình bày:**

Chị thừa nhận trình bày của ông T, anh H về mối quan hệ gia đình là đúng.

Nay ông Đặng Xuân T khởi kiện anh Đặng Nghĩa H về việc chia di sản thừa kế, chị có quan điểm như sau: Chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T. Nếu phải chia di sản thừa kế thì phải đền bù cho gia đình chị, phần thừa kế chị nhận được chị sẽ tặng cho anh H7 và không đề nghị anh H7 phải thanh toán tiền cho chị về phần tài sản chị tặng cho anh H7.

Ngoài ra, chị không có trình bày hay đề nghị gì khác.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Xuân H2 vắng mặt nhưng có quan điểm trình bày:** Anh thừa nhận trình bày của ông T, anh H về mối quan hệ gia đình là đúng.

Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 có nguồn gốc như thế nào thì anh không biết. Anh chỉ biết khi anh sinh ra và lớn lên thì thửa đất này do cụ Nguyễn Thị C

và bố mẹ tôi (ông N, bà N1) trực tiếp sử dụng và ở trên đất. Năm 2007, cụ C chết và không để lại di chúc. Kể từ khi cụ C chết, anh và bố mẹ anh vẫn tiếp tục sử dụng thửa đất trên của cụ C, không có tranh chấp gì với ai. Sau khi bố anh chết (năm 2017), thửa đất trên do anh trực tiếp sử dụng ổn định cho đến thời điểm hiện tại. Do anh làm ăn xa nhà ở huyện S, thành phố Hà Nội nên anh Đặng Nghĩa H thỉnh thoảng đến dọn dẹp nhà cửa, thờ cúng.

Trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 có 01 ngôi nhà gỗ 3 gian và 01 nhà bếp + công trình phụ trên đất. Ngoài ra có bờ tường rào xây bao quanh, hiện nay do anh ở và sử dụng để thờ cúng ông bà tổ tiên.

Nay ông Đặng Xuân T khởi kiện anh Đặng Nghĩa H yêu cầu chia thừa kế tài sản do cụ Đ1 và cụ C để lại, quan điểm của anh là: Khi bố anh (ông N) chết đã dẫn ngôi nhà trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên. Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra, anh không có trình bày hay đề nghị gì khác.

Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất, gồm:

Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ có diện tích là 425,9 m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 125,9m<sup>2</sup> đất vườn) được định giá: 3.000.000đ/m<sup>2</sup> đất ở và 500.000đ/m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Gồm các cạnh cụ thể: Phía bắc tiếp giáp đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Vũ Văn H8, gồm các điểm 2-3-4 trong đó: 2-3= 10,73m, 3-4=18,32m; Phía đông tiếp giáp đường giao thông liên xóm, gồm: các điểm 4-5-6-7-8. Trong đó: 4-5= 9,33m, 5-6= 5,04m, 6-7=0,83m, 7-8= 0,76m; Phía nam tiếp giáp đường giao thông liên xóm gồm các điểm 8-9-10-11-12-1 trong đó: 8-9= 0,72m, 9-10=1,11m, 10-11= 10,88m, 11-12= 2,93m, 12-1=8,2m; Phía tây tiếp giáp đất thuộc quyền sử dụng của hộ là Nguyễn Thị C1 gồm các điểm 1-2=15,76m.

Trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 có những tài sản gồm: Nhà gỗ có 03 mặt là tường, xây gạch chỉ, trát xi măng, 01 mặt ghép bằng gỗ, cột trụ gỗ, mái lợp lá sừa tre gỗ, nền lát vữa xi măng, nhà có diện tích chiều dài 13,2m x chiều rộng 6m= 77,1m<sup>2</sup> được định giá 47.520.000đ. Sân trước nhà xây gạch chỉ, lát vữa xi măng, sân gồm có 02 đoạn: Đoạn 1: Chiều dài 9,4 x chiều rộng 3,7m= 37,48m<sup>2</sup>, đoạn 2: Chiều dài 11,9m x chiều rộng 2,1m = 24,99 m<sup>2</sup>; Hệ thống tường rào xung quanh thửa đất gồm có: Đoạn 1 ở phía Nam thửa đất giáp đường giao thông liên xóm tường rào xây gạch chỉ, không trát dài 12,6m, cao 1,9 m được định giá: 2.142.000đ, đoạn 2 ở phía Nam thửa đất giáp đường giao thông liên xóm tường rào xây gạch chỉ, không trát dài 6m, cao 1,4m được định giá 840.000đ, đoạn 3 ở phía Đông thửa đất giáp đường giao thông liên xóm, tường rào xây gạch chỉ, không trát dài 15,5m cao 2m được định giá 2.790.000đ, đoạn 4 + đoạn 5 ở trong thửa đất, xây gạch chỉ, trát xi măng có tổng chiều dài 10,1m, cao 0,95m được định giá 1.010.000đ, đoạn 6 ở phía trước nhà gỗ, xây gạch chỉ, trát xi măng dài 9,5m cao 1,05m được định giá 950.000đ; Trụ cổng và cánh cổng sắt được định giá 2.000.000đ; Giếng nước và sân giếng được định giá 5.000.000đ; 10 cây cau được định giá 4.000.000đ; 151 cây chuối được định giá 3.020.000đ; 01 cây sấu được định giá 1.100.000đ; 01 cây mít được định giá

1.500.000đ; 01 cây na được định giá 151.000đ; 01 cây nhãn 140.000đ; 01 cây xoài được định giá 900.000đ. Đối với 02 đoạn sân trước nhà xây gạch chỉ trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 các đương sự đều thống nhất không định giá do đã xuống cấp, hư hỏng. Trên thửa đất số 16 (gồm cả thửa 653.1 sau khi dồn điền đổi thửa) hiện đang trồng lúa, các bên đương sự đều đề nghị không định giá đối với lúa trồng trên thửa đất.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại đối với tài sản trên đất đang có tranh chấp đã xác định được: Đoạn tường rào xây trong điểm 10 đến điểm 11 có 5m dài tường rào bị đổ. Hiện tại, đoạn tường rào bị đổ đã được rào bằng lưới B40 (lưới sắt), chiều dài lưới B40 là 7m.

Thửa đất số 653-1, tờ bản đồ số 05 diện tích  $260\text{m}^2$  (đất lúa)  $\times 150.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 39.000.000\text{đồng}$ .

\* Tại phiên toà Kiểm sát viên có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hiền T3 khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H3, chị B, anh H2 vắng mặt tại tòa lần thứ hai không có lý do là vi phạm Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 620, 623, 649, điểm b khoản 1 Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 khoản 12; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Xuân T về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với di sản của cụ Nguyễn Thị C và cụ Đặng Văn Đ1.

Xác nhận các hàng thừa kế của cụ Đặng Văn Đ1 và cụ Nguyễn Thị C gồm có: Ông Đặng Văn N (chết năm 2017), Bà Đặng Thị T1, Đặng Xuân T, Ông Đặng Từ H1. Bà Đặng Thị Q. Do ông Đặng Văn N đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N gồm: Chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Văn H7.

Xác nhận di sản của cụ Đặng Văn Đ1 và cụ Nguyễn Thị C là diện tích thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02 diện tích  $456\text{m}^2$  đo thực tế là  $425,9\text{m}^2$  (trong đó có  $300\text{m}^2$  đất ở và  $125,9\text{m}^2$  đất vườn) và thửa đất số 653-1 tờ bản đồ số 05 diện tích  $260\text{m}^2$  đất lúa đã được UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 30/12/1999, có sơ đồ hiện trạng được chia như sau:

Giao cho ông Đặng Xuân T quản lý và sử dụng  $277,1\text{m}^2$  đất, tổng giá trị đất là 638.550.000đ (Sáu trăm mười ba mươi tám triệu năm trăm năm mươi

ngàn đồng), trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở có giá 600.000.000đồng và 77,1m<sup>2</sup> đất vườn có giá 38.550.000đồng.

Trên đất có tường rào: Đoạn 1: Phía Nam thửa đất, giáp đường giao thông liên xóm, tường xây gạch chỉ, không chát dài từ điểm 6,7,8,9,10 = 3m có giá 437.658đồng; Đoạn 2: dài 6m, cao 1,4m (Hiện nay đã bị đổ và anh H đã rào bằng lưới B40 dài 7m nên không còn giá trị); Đoạn 3 phía Đông thửa đất giáp đường giao thông liên xóm, tường rào xây gạch chỉ không chát dài 15,5m, cao 2m = 2.790.000đồng; Đoạn 4 + 5 ở trong thửa đất, xây gạch chỉ, trát xi măng tổng chiều dài 10,1m, cao 0,95m = 1.010.000đồng; Đoạn 6 ở phía trước nhà gỗ giáp vườn xây gạch chỉ, trát xi măng dài 9,5m cao 1,05m = 950.000đồng; Hai trụ cổng, mỗi trụ cao 2,8m, 4 cạnh, mỗi cạnh 0,33m được xây gạch chỉ, trát vữa xi măng và 02 cánh cổng sắt gắn liền với 02 trụ cổng có giá 2.000.000đồng. Sân trước nhà xây gạch chỉ, lát vữa xi măng, sân gồm có 02 đoạn: Đoạn 1: Chiều dài 9,4 x chiều rộng 3,7m = 37,48m<sup>2</sup>, đoạn 2: Chiều dài 11,9m x chiều rộng 2,1m = 24,99m<sup>2</sup>. Hệ thống giếng nước sâu 4,5m, thành giếng xây gạch chỉ trát xi măng cao 0.4m; và sân giếng đổ xi măng có chiều dài 2,9m, có chiều rộng 2,5m = 7,25m<sup>2</sup> có giá là 5.000.000đồng. Các cây trồng gồm: 07 cây cau có giá 2.200.000đồng; 121 cây chuối có giá 2.420.000đồng; 01 cây sấu đường kính 50-70cm = 1.100.000đồng; 01 cây mít đường kính 20-30cm = 1.500.000đồng; 01 cây na đường kính 5-7cm = 151.000đồng; 01 cây xoài đường kính 15-20cm = 900.000đồng; 01 cây nhãn đường kính 5-7cm = 140.000đồng. Có tổng giá trị tài sản trên đất là 15.598.658đ – làm tròn là 15.598.000đ (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi tám ngàn đồng). Đối với 02 đoạn sân xây gạch chỉ vì đã xuống cấp, hư hỏng giá trị sử dụng thấp nên không đề nghị định giá.

Tổng giá trị tài sản là 654.530.000đ (Sáu trăm năm mươi tư triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng)

*(Theo bản trích đo hiện trạng có chỉ giới 12,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12).*

Giao cho anh Đặng Xuân H2 quản lý và sử dụng 148,8m<sup>2</sup> đất, trong đó 100m<sup>2</sup> đất ở có giá 300.000.000đồng và 48,8m<sup>2</sup> đất vườn có giá 24.400.000đồng. Tổng giá trị là 324.400.000đồng. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà gỗ + bếp diện tích 77,1m<sup>2</sup> trị giá 47.520.000đồng, tường rào xây gạch chỉ dài 8,20m trị giá 1.394.000đồng. *(Theo bản trích đo hiện trạng có chỉ giới 12,1,2,3,12).*

Giao cho bà Đặng Thị Q diện tích 260m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thửa số 653-1 trị giá 39.000.000đồng. Bà Đặng Thị Q không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn N là chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2. *(Theo bản trích đo hiện trạng có chỉ giới 1,2,3,6,1).*

Ông Đặng Xuân T không phải thanh toán cho những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn N là chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2.

Buộc anh Đặng Nghĩa H phải tháo dỡ, di dời các đoạn rào bằng lưới B40 trên diện tích đất được giao cho ông Đặng Xuân T.

Các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai đối với phần diện tích đất được giao.

- Về chi phí tố tụng: Ghi nhận nguyên đơn ông Đặng Xuân T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ về định giá tài sản và đo vẽ, số tiền 8.800.000 đồng. Xác nhận ông T đã nộp đủ số tiền trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Xuân T và bà Đặng Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi. Anh Đặng Xuân H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Tranh chấp chia di sản thừa kế giữa nguyên đơn ông Đặng Xuân T và bị đơn anh Đặng Nghĩa H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2, bà Đặng Thị T1, ông Đặng Từ H1 và bà Đặng Thị Q là tranh chấp chia di sản thừa kế; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T cũ (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, chị Đặng Thị H4 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử đối với vụ án là đảm bảo căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về hàng thừa kế, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản:**

Về hàng thừa kế: Cụ Đặng Văn Đ1 và cụ Nguyễn Thị C sinh được 05 người con gồm: Ông Đặng Văn N (chết năm 2017), Bà Đặng Thị T1, Đặng Xuân T, Ông Đặng Từ H1. Bà Đặng Thị Q. Ngoài ra Đ1 và cụ C không có con nuôi, con riêng nào khác.

Do ông Đặng Văn N đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N gồm: Chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H; anh Đặng Phúc H5 (chết năm 1992). Ông H5 không có người con đẻ, con nuôi nào khác; Anh Đặng Văn H6 (chết năm 2016), Anh H6 không có người con đẻ, con nuôi nào khác; Chị H3, chị B, anh H, chị H4, anh H2 trình bày thì anh H5 có 01 người con đẻ là Đặng Văn T2, sinh năm 1987, địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Anh H6 có 01 người con đẻ là Đặng Xuân L1. Tuy nhiên chị H3, chị B, anh H, chị H4, anh H2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cháu Đặng Văn T2 là con của anh H5 và cháu L1 là con của anh H6. Đồng thời qua xác minh tại UBND xã M thì không có ai là Đặng Văn T2 và Đặng Xuân L1 như chị H3, chị B, anh H, chị H4, anh H2 đã trình bày. Do vậy, những người thừa kế của cụ Đ1 và cụ C gồm có: Ông Đặng Văn N (chết năm 2017), Bà Đặng Thị T1, Đặng Xuân T, Ông Đặng Từ H1. Bà Đặng Thị Q. Do ông Đặng Văn N đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N gồm: Chị Đặng

Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Văn H7.

Cụ Đ1 chết ngày 21/5/1952 và cụ C chết ngày 23/03/2007 vì vậy vẫn còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

*Về di sản thừa kế:* Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân T đề nghị bị đơn anh Đặng Nghĩa H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đối với di sản thừa kế của cụ Đặng Văn Đ1 và cụ Nguyễn Thị C để lại gồm diện tích thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02 diện tích 456m<sup>2</sup> đo thực tế là 425,9m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 125,9m<sup>2</sup> đất vườn); thửa đất số 274B, tờ bản đồ 02 diện tích 35m<sup>2</sup> đất lúa và thửa đất số 653-1 tờ bản đồ số 05 diện tích 260m<sup>2</sup> đất lúa đã được UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 30/12/1999; thấy rằng cả nguyên đơn, bị đơn cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác nhận di sản thừa kế ở trên là đúng. Các đương sự chỉ yêu cầu chia diện tích thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02 diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 456m<sup>2</sup> đo thực tế là 425,9m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 125,9m<sup>2</sup> đất vườn và thửa đất số 653-1 tờ bản đồ số 05 diện tích 260m<sup>2</sup> đất lúa); Còn thửa đất số 274B, tờ bản đồ 02 diện tích 35m<sup>2</sup> đất lúa không đề nghị giải quyết là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02 diện tích đo thực tế là 425,9m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 125,9m<sup>2</sup> đất vườn), các đương sự đều đề nghị chia theo pháp luật. Xác định hàng thừa kế của cụ Đ1 và cụ C là 5 người: 425,9m<sup>2</sup> : 5 = 85,18m<sup>2</sup> đất có giá 192.590.000đồng (trong đó đất ở là 60m<sup>2</sup> có giá 180.000.000đồng và đất vườn là 25,18m<sup>2</sup> có giá 12.590.000đồng). Theo đó thì ông N (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N) chỉ được 1/5 suất thừa kế theo quy định của pháp luật. Khi đó, ông T, bà T1, ông H1 và bà Q được hưởng 4/5 suất thừa kế. Ông T là người đại diện theo ủy quyền đề nghị được chia phần đất không có ngôi nhà gỗ 03 gian + bếp; còn phần đất có ngôi nhà gỗ 03 gian + bếp thì giao cho anh H7 quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa ông T tự nguyện thanh toán thêm cho anh H7 (là người trực tiếp hưởng tài sản của ông N) được hưởng một phần công sức trông nom, chăm sóc cụ C khi còn sống đến khi chết bằng ½ suất thừa kế là 42,59m<sup>2</sup> đất (Trong đó có 30m<sup>2</sup> đất ở và 12,59m<sup>2</sup> đất vườn) là phù hợp cần ghi nhận. Tổng diện tích đất giao cho anh H7 là 127,77m<sup>2</sup> đất (Trong đó có 90m<sup>2</sup> đất ở và 37,77m<sup>2</sup> đất vườn)

Đối với các tài sản khác gồm: Nhà gỗ 03 gian + bếp có diện tích 77,1m<sup>2</sup> có giá 47.520.000đồng. Hệ thống tường rào: Đoạn 1: Phía Nam thửa đất, giáp đường giao thông liên xóm, tường xây gạch chỉ, không chát dài 11,13m = 2.142.000đồng; Đoạn 2: dài 6m, cao 1,4m = 840.000đồng; Đoạn 3 phía Đông thửa đất giáp đường giao thông liên xóm, tường rào xây gạch chỉ không chát dài 15,5m, cao 2m = 2.790.000đồng; Đoạn 4 + 5 ở trong thửa đất, xây gạch chỉ, trát xi măng tổng chiều dài 10,1m, cao 0,95m = 1.010.000đồng; Đoạn 6 ở phía trước nhà gỗ giáp vườn xây gạch chỉ, trát xi măng dài 9,5m cao 1,05m = 950.000đồng; Hai trụ cổng, mỗi trụ cao 2,8m, 4 cạnh, mỗi cạnh 0,33m được xây gạch chỉ, trát vữa xi măng và 02 cánh cổng sắt gắn liền với 02 trụ cổng có giá 2.000.000đồng. Hệ thống giếng nước sâu 4,5m, thành giếng xây gạch chỉ trát xi măng cao 0.4m;

và sân giếng đồ xi măng có chiều dài 2,9m, có chiều rộng 2,5m = 7,25m<sup>2</sup> có giá là 5.000.000đồng. Các cây trồng gồm: 10 cây cau có giá 4.000.000đồng; 151 cây chuối có giá 3.020.000đồng; 01 cây sấu đường kính 50-70cm = 1.100.000đồng; 01 cây mít đường kính 20-30cm = 1.500.000đồng; 01 cây na đường kính 5-7cm = 151.000đồng; 01 cây xoài đường kính 15-20cm = 900.000đồng; 01 cây nhãn đường kính 5-7cm = 140.000đồng là tài sản của ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị N1 xây dựng không phải di sản thừa kế. Đối với 02 đoạn sân xây gạch chỉ vì đã xuống cấp, hư hỏng giá trị sử dụng thấp nên không đề nghị định giá. Cũng như qua trình bày của ông T được xác minh qua chính quyền địa phương hiện nay do mưa lũ từ tháng 9 năm 2024 nhiều đoạn tường bao quanh đã bị sụp đổ, nhiều cây cối, lâm lộc trên đất đã bị chết không còn giá trị.

Theo pháp luật ông T, bà T1, ông H1 và bà Q được chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại có diện tích là 298,13m<sup>2</sup> đất. Tuy nhiên nếu chia đủ diện tích trên cho ông T (Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, ông H1 và bà Q) thì sẽ phải tháo dỡ một phần 01 ngôi nhà gỗ + bếp diện tích 77,1m<sup>2</sup>, điều này làm ảnh hưởng đến giá trị ngôi nhà gỗ + bếp. Tại phiên tòa, ông T đề nghị giao cho anh H7 được sử dụng thêm 21,03m<sup>2</sup> đất (trong đó 10m<sup>2</sup> đất ở có giá 30.000.000đồng và 11,03m<sup>2</sup> đất vườn đất có giá 5.515.000đồng), tổng giá trị tài sản anh H7 được sở hữu và sử dụng thêm là 35.515.000đồng. (Theo bản trích đo hiện trạng có chỉ giới 12,1,2,3,12);

- Đối với diện tích đất lúa là thửa đất số 653.1 tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất: Xã P, huyện S cũ (nay là xã M, huyện C), tỉnh Phú Thọ, thấy rằng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ: thửa đất này hiện bà Đặng Thị Q đang quản lý, sử dụng. Ông T, bà T1, ông H1, bà Q đều nhất trí để bà Q tiếp tục sử dụng và bà Q không phải thanh toán giá trị tài sản bà Q được hưởng cho ông T, bà T1, ông H1; Còn những người thừa kế của ông N đều đề nghị chia theo pháp luật. Thửa đất này có diện tích 260m<sup>2</sup> giá trị 39.000.000đồng theo quy định thì diện tích đất lúa sau khi giao thì phải đảm bảo tối thiểu 200m<sup>2</sup> nên không thể chia bằng hiện vật mà chỉ chia bằng giá trị 39.000.000đồng : 5 = 7.800.000đồng. Do vậy, bà Q phải thanh toán anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2 là 7.800.000đồng.

Từ những phân tích ở trên thì giá trị phần tài sản anh H2 được giao sở hữu và sử dụng thêm đối với giá trị kỷ phần thừa kế anh H2 được hưởng là 35.515.000đồng. Mặc dù ông Đặng Xuân T phải thanh toán cho anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2 đối với tài sản, cây cối lâm lộc trên phần đất được giao số tiền 15.398.000đồng và bà Đặng Thị Q phải thanh toán cho anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2 số tiền 7.800.000đồng, Tổng cộng ông T và bà Q phải thanh toán số tiền 23.398.000đồng. Đối trừ nghĩa vụ thì anh H2 còn phải thanh toán lại cho ông T và bà Q số tiền là 12.117.000đồng. Tại phiên tòa ông Đặng Xuân T tự nguyện không đề nghị anh H2 phải thanh toán số tiền này nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của ông T. Do vậy, các đương sự không phải thanh toán giá trị tài sản được sở hữu và sử dụng cho nhau.

[3]. Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên cần ghi nhận.

[4]. Về án phí:

Ông Đặng Xuân T, bà Đặng Thị Q được miễn án phí do là người cao tuổi.

Anh Đặng Xuân H2 phải chịu án phí chia tài sản thừa kế được nhận số tiền là 16.220.000đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 147, Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 620, 623, 649, điểm b khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 khoản 12; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Xuân T về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với di sản của cụ Nguyễn Thị C và cụ Đặng Văn Đ1.

Xác nhận các hàng thừa kế của cụ Đặng Văn Đ1 và cụ Nguyễn Thị C gồm có: Ông Đặng Văn N (chết năm 2017), Bà Đặng Thị T1, Đặng Xuân T, Ông Đặng Từ H1. Bà Đặng Thị Q. Do ông Đặng Văn N đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N gồm: Chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Văn H7.

Xác nhận di sản của cụ Đặng Văn Đ1 và cụ Nguyễn Thị C là diện tích thửa đất số 130 tờ bản đồ số 02 diện tích 456m<sup>2</sup> đo thực tế là 425,9m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 125,9m<sup>2</sup> đất vườn) và thửa đất số 653-1 tờ bản đồ số 05 diện tích 260m<sup>2</sup> đất lúa đã được UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 30/12/1999, có sơ đồ hiện trạng được chia như sau:

Giao cho ông Đặng Xuân T quản lý và sử dụng 277,1m<sup>2</sup> đất, tổng giá trị đất là 638.550.000đ (Sáu trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở có giá 600.000.000đồng và 77,1m<sup>2</sup> đất vườn có giá 38.550.000đồng.

Trên đất có tường rào: Đoạn 1: Phía Nam thửa đất, giáp đường giao thông liên xóm, tường xây gạch chỉ, không chát dài từ điểm 6,7,8,9,10 = 3m có giá 437.658đồng; Đoạn 2: dài 6m, cao 1,4m (Hiện nay đã bị đổ và anh H đã rào bằng lưới B40 dài 7m nên không còn giá trị); Đoạn 3 phía Đông thửa đất giáp đường giao thông liên xóm, tường rào xây gạch chỉ không chát dài 15,5m, cao 2m = 2.790.000đồng; Đoạn 4 + 5 ở trong thửa đất, xây gạch chỉ, trát xi măng tổng chiều dài 10,1m, cao 0,95m = 1.010.000đồng; Đoạn 6 ở phía trước nhà gỗ

giáp vườn xây gạch chỉ, trát xi măng dài 9,5m cao 1,05m = 950.000đồng; Hai trụ cổng, mỗi trụ cao 2,8m, 4 cạnh, mỗi cạnh 0,33m được xây gạch chỉ, trát vữa xi măng và 02 cánh cổng sắt gắn liền với 02 trụ cổng có giá 2.000.000đồng. Sân trước nhà xây gạch chỉ, láng vữa xi măng, sân gồm có 02 đoạn: Đoạn 1: Chiều dài 9,4 x chiều rộng 3,7m = 37,48m<sup>2</sup>, đoạn 2: Chiều dài 11,9m x chiều rộng 2,1m = 24,99m<sup>2</sup>. Hệ thống giếng nước sâu 4,5m, thành giếng xây gạch chỉ trát xi măng cao 0,4m; và sân giếng đổ xi măng có chiều dài 2,9m, có chiều rộng 2,5m = 7,25m<sup>2</sup> có giá là 5.000.000đồng. Các cây trồng gồm: 07 cây cau có giá 2.200.000đồng; 121 cây chuối có giá 2.420.000đồng; 01 cây sầu đường kính 50-70cm = 1.100.000đồng; 01 cây mít đường kính 20-30cm = 1.500.000đồng; 01 cây na đường kính 5-7cm = 151.000đồng; 01 cây xoài đường kính 15-20cm = 900.000đồng; 01 cây nhãn đường kính 5-7cm = 140.000đồng. Có tổng giá trị tài sản trên đất là 15.598.658đ – làm tròn là 15.598.000đ (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng). Đối với 02 đoạn sân xây gạch chỉ vì đã xuống cấp, hư hỏng giá trị sử dụng thấp nên không đề nghị định giá.

Tổng giá trị tài sản là 654.530.000đ (Sáu trăm năm mươi tư triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)

*(Theo bản trích đo hiện trạng có chỉ giới 12,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12).*

Giao cho anh Đặng Xuân H2 quản lý và sử dụng 148,8m<sup>2</sup> đất, trong đó 100m<sup>2</sup> đất ở có giá 300.000.000đồng và 48,8m<sup>2</sup> đất vườn có giá 24.400.000đồng. Tổng giá trị là 324.400.000đồng. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà gỗ + bếp diện tích 77,1m<sup>2</sup> trị giá 47.520.000đồng, tường rào xây gạch chỉ dài 8,20m trị giá 1.394.000đồng. *(Theo bản trích đo hiện trạng có chỉ giới 12,1,2,3,12).*

Giao cho bà Đặng Thị Q diện tích 260m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thửa số 653-1 trị giá 39.000.000đồng. Bà Đặng Thị Q không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn N là chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2. *(Theo bản trích đo hiện trạng có chỉ giới 1,2,3,6,1).*

Ông Đặng Xuân T không phải thanh toán cho những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn N là chị Đặng Thị H3, chị Đặng Thị B, anh Đặng Nghĩa H, chị Đặng Thị H4, anh Đặng Xuân H2.

Buộc anh Đặng Nghĩa H phải tháo dỡ, di dời các đoạn rào bằng lưới B40 trên diện tích đất được giao cho ông Đặng Xuân T.

Các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai đối với phần diện tích đất được giao.

[2]. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận nguyên đơn ông Đặng Xuân T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ về định giá tài sản và đo vẽ, số tiền 8.800.000 đồng. Xác nhận ông T đã nộp đủ số tiền trên.

[3]. Về án phí:

Ông Đặng Xuân T và bà Đặng Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi.

Anh Đặng Xuân H2 phải nộp 16.220.000đồng (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Việt D**